

Số: 1609/QĐ-ĐHQB

Quảng Bình, ngày 19 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về dạy, học và đánh giá kết quả
môn học Giáo dục thể chất tại Trường Đại học Quảng Bình**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH

Căn cứ Quyết định số 237/2006/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 445/QĐ-ĐHQB ngày 01 tháng 4 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quảng Bình về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Quảng Bình;

Căn cứ Nghị định số 11/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định về giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2015/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo quy định về chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng chính phủ quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học;

Xét đề nghị của Trường khoa Giáo dục thể chất - Quốc phòng và Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định về dạy, học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục thể chất tại Trường Đại học Quảng Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

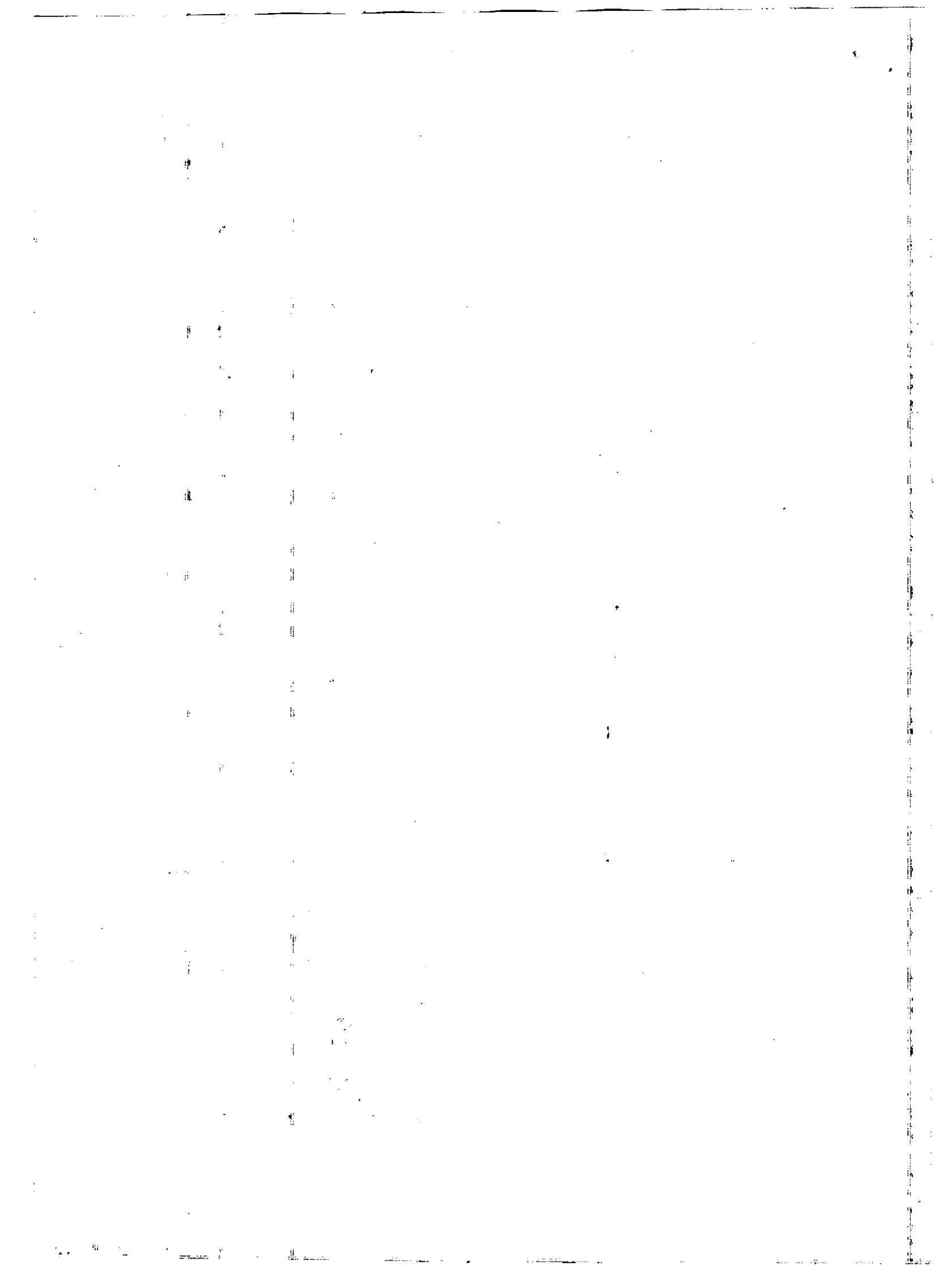
Điều 3. Trường khoa Giáo dục thể chất - Quốc phòng, Trường phòng Đào tạo, Trường các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- Phòng TTr-PC;
- Website trường;
- Lưu: VT, ĐT, GDTC



PGS.TS Hoàng Dương Hùng



QUY ĐỊNH

Về dạy, học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục thể chất
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1609/QĐ-ĐHQB ngày 19 tháng 9 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quảng Bình)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định chuẩn về chương trình môn học Giáo dục thể chất (sau đây viết tắt là GDTC); khối lượng tích lũy; các điều kiện đảm bảo chất lượng; khen thưởng và xử lý vi phạm liên quan đến hoạt động dạy, học và đánh giá kết quả môn học GDTC của Trường Đại học Quảng Bình (sau đây gọi tắt là Nhà trường).

2. Quy định này áp dụng cho sinh viên đại học, cao đẳng và liên thông trung cấp lên đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (không áp dụng đối với sinh viên chuyên ngành giáo dục thể chất).

Điều 2. Chương trình Giáo dục thể chất

1. Mục tiêu chương trình

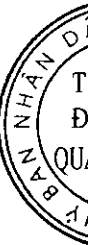
a) Về kiến thức: Có hiểu biết về ý nghĩa tác dụng của thể dục thể thao (TDTT) đối với con người; nhận thức về vị trí, vai trò của GDTC và các hoạt động TDTT trong hoạt động giáo dục đại học;

b) Về kỹ năng: Thực hành được những kỹ thuật cơ bản một số môn TDTT trong chương trình, biết một số phương pháp tự tập luyện để rèn luyện thể chất, bảo vệ sức khỏe; tập luyện các kỹ thuật với yêu cầu về độ khó được nâng lên; bồi dưỡng phương pháp tập luyện, cách thức thi đấu; làm trọng tài các môn thể thao trong quá trình tập luyện, có khả năng vận dụng trong cuộc sống và sử dụng môn thể thao này làm phương tiện để giáo dục thể chất.

c) Về thái độ hành vi: Tích cực, tự giác học tập; xây dựng thói quen vận động, tập luyện TDTT; rèn luyện thể chất thường xuyên; kính trọng, yêu quý giảng viên giảng dạy môn học, luyện tập ngoại khoá ngoài giờ để thực hiện tốt các nội dung được xây dựng trong chương trình.

2. Nội dung chương trình GDTC

Chương trình được thực hiện với khối lượng của mỗi bậc học, 120 tiết đối với bậc đại học hệ chính quy (4 tín chỉ), 90 tiết đối với bậc cao đẳng hệ chính quy.



(3 tín chỉ bắt buộc), 30 tiết đối với bậc trung cấp liên thông lên đại học (01 tín chỉ bắt buộc).

a) Chương trình đối với bậc đại học

TT	Tên học phần	Mã học phần	Tổng số tín chỉ	LT	TH	Học phần học trước	Mã học phần học trước	Bắt buộc/ Tự chọn
I CÁC HỌC PHẦN BẮT BUỘC (3 Tín chỉ)								
1	GDTC 1* (Điền kinh)	TQGDTC.001	1*	04	26	Học một nội dung		Bắt buộc
	GDTC 1* (Thể dục)	TQGDTC.001	1*	04	26			Bắt buộc
	GDTC 1* (ngành GD Tiểu học)	TQGDTC.001	1*	04	26			Bắt buộc
2	GDTC 2 (Bóng chuyền)	TQGDTC.002	1	04	26			Bắt buộc
II CÁC HỌC PHẦN TỰ CHỌN (Chọn tối thiểu 2/10 tín chỉ)								
1	GDTC 3 (Bóng đá 1)	TQGDTC.003	1	04	26			Tự chọn
2	GDTC 4 (Bóng đá 2)	TQGDTC.004	1	04	26	Bóng đá 1	TQGDTC.003	Tự chọn
3	GDTC 3 (Đá cầu 1)	TQGDTC.003	1	04	26			Tự chọn
4	GDTC 4 (Đá cầu 2)	TQGDTC.004	1	04	26	Đá cầu 1	TQGDTC.003	Tự chọn
5	GDTC 3 (Bóng rổ 1)	TQGDTC.003	1	04	26			Tự chọn
6	GDTC 4 (Bóng rổ 2)	TQGDTC.004	1	04	26	Bóng rổ 1	TQGDTC.003	Tự chọn
7	GDTC 3 (Cầu lông 1)	TQGDTC.003	1	04	26			Tự chọn
8	GDTC 4 (Cầu lông 2)	TQGDTC.004	1	04	26	Cầu lông 1	TQGDTC.003	Tự chọn
9	GDTC 3 (Bơi lội)	TQGDTC.003	1	04	26			Tự chọn
10	GDTC 4 (Bơi lội)	TQGDTC.004	1	04	26	Bơi lội 1	TQGDTC.003	Tự chọn
11	GDTC 3 (Cờ vua 1)	TQGDTC.003	1	04	26			Tự chọn
12	GDTC 4 (Cờ vua 2)	TQGDTC.004	1	04	26	Cờ vua 1	TQGDTC.003	Tự chọn
13	GDTC 3 (Bóng bàn 1)	TQGDTC.003	1	04	26			Tự chọn
14	GDTC 4 (Bóng bàn 2)	TQGDTC.004	1	04	26	Bóng bàn 1	TQGDTC.003	Tự chọn

b) Chương trình đối với bậc cao đẳng

TT	Tên học phần	Mã học phần	Tổng số	LT	TH	Học phần học trước	Mã học phần học trước	Bắt buộc/ Tự chọn
----	--------------	-------------	---------	----	----	--------------------	-----------------------	----------------------

			tín chỉ				
I	CÁC HỌC PHẦN BẮT BUỘC (3 Tín chỉ)						
1	GDTC 1 (Điền kinh)	TQGDTC.001	1	4	26		Bắt buộc
2	GDTC 2 (Thể dục)	TQGDTC.002	1	4	26		Bắt buộc
3	GDTC 3 (Bóng chuyền)	TQGDTC.003	1	4	26		Bắt buộc

c) Chương trình đối với bậc liên thông trung cấp lên đại học (*áp dụng như chương trình đối với bậc đại học quy định tại Điểm a, Khoản 2 Điều này*)

3. Mỗi học phần phải có đề cương chi tiết học phần thể hiện rõ: thông tin chung về học phần, điều kiện tiên quyết (nếu có), mục tiêu học phần, chuẩn đầu ra học phần, mô tả vắn tắt nội dung học phần, nội dung chi tiết học phần, hình thức giảng dạy và phân bổ thời gian, phương pháp giảng dạy, nhiệm vụ của sinh viên, tài liệu phục vụ cho học phần, thang điểm đánh giá, phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần.

Điều 3. Yêu cầu nội dung của các học phần

1. Phân lý thuyết trong mỗi học phần

- Yêu cầu: sinh viên nắm được nội dung cơ bản của môn lý luận và phương pháp TĐTT; Y - sinh học TĐTT; lý thuyết môn chuyên ngành trong các học phần của chương trình; hiểu biết Luật và biết cách tổ chức, trọng tài thi đấu một số môn TĐTT trong trường đại học và áp dụng được sau khi tốt nghiệp.

- Mô tả các học phần: Lịch sử phát sinh phát triển của các môn TĐTT; mục đích và nhiệm vụ của giáo dục thể chất; cơ sở khoa học sinh học của môn Giáo dục thể chất; các kiến thức cơ bản về công tác kiểm tra và tự kiểm tra y học TĐTT, cách phòng ngừa chấn thương bằng phương tiện thể dục thể thao; luật, trọng tài và tổ chức thi đấu các môn TĐTT.

2. Phân thực hành trong mỗi học phần

a) Học phần bắt buộc

- Yêu cầu: Nắm được nội dung cơ bản học phần GDTC bắt buộc của chương trình; biết luật, trọng tài và tổ chức thi đấu một số môn TĐTT; biết phương pháp tự tập luyện và rèn luyện thể chất, sức khỏe.

- Mô tả các học phần: Kiến thức, kỹ năng thực hành các môn điền kinh, thể dục, bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ, cầu lông, cờ vua, bơi lội..., phù hợp với đặc điểm và tính chất ngành nghề đào tạo; luật, trọng tài, phương pháp tổ chức thi đấu; phương pháp tự tập luyện và rèn luyện thể chất, sức khỏe.

b) Học phần tự chọn

- Yêu cầu: Nắm được nội dung cơ bản học phần GDTC tự chọn của chương trình; biết Luật, trọng tài, phương pháp tổ chức thi đấu một số môn TDTT; biết phương pháp tự tập luyện kỹ thuật, chiến thuật nhằm nâng cao thành tích thể thao môn tự chọn.

- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên chỉ được đăng ký học phần tự chọn 2 khi học xong học phần tự chọn 1 của cùng một nội dung. Các học phần tiên quyết có mã TQGDTC.003

- Điều kiện nội dung học trước: Sinh viên chỉ được phép đăng ký học phần tự chọn 2 khi học xong học phần tự chọn 1 (có thể kết quả học phần chưa đạt) vào học kỳ tiếp sau.

- Điều kiện học song hành 2 học phần tự chọn: Sinh viên được phép đăng ký học phần tự chọn 1 của 2 nội dung khác nhau trong 1 học kỳ. Không được đăng ký và học song hành 2 học phần tự chọn 1 và 2 của một nội dung trong một học kỳ.

Sinh viên không được phép đăng ký học phần tự chọn 1 của nội dung cùng với học phần tự chọn 2 của một nội dung khác.

- Mô tả các học phần: Kiến thức, kỹ năng thực hành các môn bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, cầu lông, bóng bàn, cờ vua, phù hợp với sở thích và nguyện vọng cá nhân; luật, trọng tài, phương pháp tổ chức thi đấu; phương pháp tự tập luyện nâng cao thành tích thể thao môn tự chọn.

Điều 4. Khối lượng tích lũy các môn học GDTC

1. Đối với trình độ đại học hệ chính quy: phải tích lũy đủ 04 tín chỉ GDTC, trong đó 02 tín chỉ bắt buộc và 02 tín chỉ tự chọn được quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 2 Quy định này.

2. Đối với trình độ cao đẳng hệ chính quy: phải tích lũy 03 tín chỉ bắt buộc được quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 2 Quy định này.

3. Đối với liên thông từ trình độ trung cấp lên đại học hệ chính quy: phải tích lũy 01 tín chỉ bắt buộc được quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 2 Quy định này.

Điều 5. Tổ chức xây dựng chương trình

1. Khoa Giáo dục thể chất - Quốc phòng phối hợp với Phòng Đào tạo tham mưu cho Hiệu trưởng Trường Đại học Quảng Bình quyết định số lượng thành viên tham gia và ra quyết định thành lập tổ soạn thảo chương trình môn học GDTC (sau đây gọi là Tổ soạn thảo). Thành phần Tổ soạn thảo là những người am hiểu về GDTC và có năng lực xây dựng và phát triển chương trình, gồm: một số giảng viên GDTC; đại diện khoa hoặc bộ môn GDTC; đại diện phòng đào tạo

và một số nhà khoa học, chuyên gia giáo dục về thể dục, thể thao ở trong và ngoài Nhà trường.

2. Tổ soạn thảo có nhiệm vụ:

- a) Căn cứ vào các quy định về GDTC hiện hành, xây dựng mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể từng học phần; xác định cấu trúc, xây dựng các học phần thuộc chương trình môn học GDTC, bao gồm các học phần bắt buộc và các học phần tự chọn; phương thức đánh giá;
- b) Thiết kế đề cương chi tiết các học phần; xác định yêu cầu về lý thuyết và thực hành của từng học phần; xác định điều kiện đảm bảo chất lượng, an toàn cho người học, người dạy khi thực hiện các học phần;
- c) Tổ chức hội thảo lấy ý kiến về chương trình môn học GDTC;
- d) Hoàn thiện dự thảo chương trình môn học GDTC trên cơ sở tiếp thu các ý kiến phản hồi và trình hội đồng khoa học và đào tạo của Nhà trường xem xét, tiến hành các thủ tục thẩm định.

Điều 6. Thẩm định và ban hành chương trình môn học GDTC

1. Khoa Giáo dục Thể chất - Quốc phòng phối hợp với Phòng Đào tạo tham mưu cho Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình môn học GDTC và các điều kiện đảm bảo triển khai dạy học (sau đây gọi là Hội đồng thẩm định). Hội đồng thẩm định gồm ít nhất 05 thành viên, trong đó có 03 (ba) thành viên có trình độ từ Thạc sĩ trở lên, đúng ngành về GDTC hoặc huấn luyện thể thao; các thành viên Tổ soạn thảo không tham gia Hội đồng thẩm định.
2. Hội đồng thẩm định, gồm: Chủ tịch, ủy viên thư ký và các ủy viên phản biện, trong đó có ít nhất 02 (hai) người ngoài Nhà trường.
3. Hội đồng thẩm định thực hiện thẩm định chương trình môn học GDTC và các điều kiện đảm bảo chất lượng để triển khai dạy học; kết luận thông qua hay không thông qua chương trình môn học GDTC của Nhà trường.
4. Hiệu trưởng ban hành chương trình môn học GDTC trên cơ sở kết luận của Hội đồng thẩm định và đề nghị của hội đồng khoa học và đào tạo.

**Chương II
TỔ CHỨC ĐÀO TẠO**

Điều 7. Các trường hợp miễn học, miễn kiểm tra và thi

1. Miễn học môn học Giáo dục thể chất
 - a) Đối tượng

NC
OC
BIN
H

- Sinh viên đã có chứng chỉ GDTC, tích lũy đủ 120 tiết theo quy định và miễn học 04 tín chỉ môn học GDTC;

- Sinh viên đã có chứng chỉ GDTC, tích lũy đủ 90 tiết theo quy định và miễn học 03 tín chỉ môn học GDTC.

b) Thủ tục xét miễn học

Sinh viên nộp đơn xin miễn học (có xác nhận của Khoa GDTC-QP) và bản photo Chứng chỉ GDTC (có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền) cho Phòng Đào tạo để xem xét, tham mưu cho Hiệu trưởng ra quyết định miễn học môn học GDTC đối với sinh viên.

2. Miễn học phần Giáo dục thể chất

Đối với các sinh viên là thành viên các đội tuyển TDTT của Nhà trường (có quyết định của Hiệu trưởng tham gia tập luyện và thi đấu các giải thể thao từ cấp tỉnh và tương đương trở lên):

a) *Nếu chưa đạt giải* thì được miễn tham gia học tập và được công nhận quy đổi điểm tương đương là 9 (chín) điểm đối với các học phần còn lại;

b) *Nếu đạt giải Nhất, Nhì, Ba* thì được miễn tham gia học tập và được công nhận quy đổi điểm tương đương là 10 (mười) điểm đối với các học phần còn lại.

Điều 8. Nội dung học giáo dục thể chất dành cho nhóm sinh viên sức khỏe yếu

1. Nguyên tắc chung

Những sinh viên thuộc nhóm sức khỏe yếu vẫn phải học đủ khối lượng học tập GDTC quy định tại Điều 4 Quy định này nhưng sẽ học các nội dung của môn học phù hợp với sức khỏe và thể chất của sinh viên (học phần bắt buộc và học phần tự chọn quy định tại Điều 2 Quy định này).

Nội dung học tập và kiểm tra đánh giá từng học phần sẽ do Bộ môn GDTC quyết định để phù hợp với thể trạng và khả năng vận động của từng sinh viên (nội dung kiểm tra thực hiện theo bộ tiêu chuẩn đã kiểm nghiệm).

2. Đối tượng được xếp loại là sinh viên sức khỏe yếu

a) Sinh viên bị khuyết tật, dị tật bẩm sinh, bị các bệnh tim mạch, hô hấp... không có khả năng vận động với khối lượng và cường độ vận động lớn do Khoa GDTC-QP phối hợp với Phòng Công tác sinh viên kiểm tra thể lực đầu khóa học theo Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, sinh viên.

b) Sinh viên bị tai nạn, chấn thương và ốm đau bất thường.

3. Thủ tục xét đối tượng sinh viên xếp loại sức khỏe yếu.

Sinh viên nộp đơn và các minh chứng kèm theo (Giấy chứng nhận về khuyết tật, dị tật bẩm sinh vào đầu kì học, Hồ sơ bệnh án của Bệnh viện cấp quận huyện trở lên) cho Khoa GDTC để xem xét và quyết định hình thức học tập và đánh giá học phần cho phù hợp.

Điều 9. Điều kiện xét công nhận hoàn thành và cấp Chứng chỉ Giáo dục thể chất

1. Sinh viên được xác nhận hoàn thành chương trình môn học GDTC và được cấp chứng chỉ GDTC khi đạt đủ các điều kiện sau:

- a) Đã hoàn thành chương trình GDTC được quy định tại Điều 2 của Quy định này;
- b) Điểm trung bình chung tích lũy học phần đạt từ 5 điểm trở lên;
- c) Không có học phần nào dưới 4 điểm.

Sinh viên chưa đủ điều kiện được cấp chứng chỉ GDTC phải đăng ký học lại học phần được quy định tại Điều 2 của Quy định này.

2. Xếp loại Chứng chỉ GDTC

Căn cứ điểm trung bình chung kết quả đánh giá các học phần đã tích lũy, kết quả xếp loại chứng chỉ GDTC của sinh viên như sau:

- a) Loại Xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 9 đến 10;
- b) Loại Giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 8 đến cận 9;
- c) Loại Khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 7 đến cận 8;
- d) Loại Trung bình khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 6 đến cận 7;
- đ) Loại Trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 5 đến cận 6.

3. Quy trình cấp Chứng chỉ GDTC

Sau khi hoàn thành chương trình GDTC, Phòng Đào tạo tổng hợp, lập danh sách sinh viên đủ điều kiện cấp chứng chỉ GDTC để trình Hội đồng xét cấp chứng chỉ GDTC. Thành phần Hội đồng bao gồm:

- a) Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo;
- b) Trưởng phòng/Phó Trưởng phòng đào tạo, Phòng Đảm bảo chất lượng GD;
- c) Trưởng khoa/Phó Trưởng khoa GDTC-QP;
- d) Trưởng khoa/Phó Trưởng Khoa có sinh viên trong đợt xét cấp chứng chỉ;
- đ) Trưởng bộ môn/Phó Trưởng bộ môn GDTC;
- e) Chuyên viên Phòng đào tạo phụ trách quản lý điểm GDTC.

QUY ĐỊNH VỀ CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

Điều 10. Giảng viên

1. Tiêu chuẩn giảng viên giáo dục thể chất

Ngoài các tiêu chuẩn chung của giảng viên theo quy định hiện hành, giảng viên GDTC phải đạt tiêu chuẩn sau:

a) Giảng viên GDTC giảng dạy cho sinh viên trình độ đại học phải có bằng thạc sỹ chuyên ngành GDTC hoặc chuyên ngành Huấn luyện thể thao trở lên, có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm;

b) Giảng viên GDTC giảng dạy cho sinh viên trình độ cao đẳng phải có bằng cử nhân TDTT ngành GDTC hoặc ngành Huấn luyện thể thao, có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm.

2. Nhiệm vụ của giảng viên

a) Thực hiện chế độ làm việc của giảng viên theo quy định hiện hành của Nhà trường;

b) Giảng dạy theo chương trình môn học GDTC đã được Hiệu trưởng phê duyệt. Khi giảng dạy giờ thực hành kỹ thuật, giảng viên giảng dạy đúng chuyên ngành được đào tạo; trước khi lên lớp dạy học phải chuẩn bị bài giảng, ôn luyện kỹ thuật thực hành; dạy các học phần kỹ thuật thực hành phải chuẩn bị sẵn bãi dụng cụ trên lớp, phải đi giày và mặc trang phục TDTT theo quy định.

c) Đánh giá kết quả học tập môn học GDTC theo Khoản 2 Điều 9 Quy định này;

d) Tổ chức hướng dẫn sinh viên tập luyện ngoại khóa; kiểm tra tiêu chuẩn thể lực sinh viên theo Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, sinh viên;

đ) Huấn luyện đội tuyển các môn TDTT và tham gia tổ chức các cuộc thi đấu thể thao trong và ngoài Trường;

e) Các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Bộ môn, Khoa và Trường.

3. Quyền của giảng viên

a) Được giảng dạy theo ngành, chuyên ngành được đào tạo;

b) Được hưởng các chế độ đãi ngộ dành cho giảng viên nói chung và giảng viên Giáo dục thể chất nói riêng theo các quy định của pháp luật hiện hành và Nhà trường;

c) Được hợp đồng thỉnh giảng, huấn luyện, trọng tài, nghiên cứu khoa học với điều kiện thực hiện đầy đủ nhiệm vụ được Nhà trường giao.

d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật hiện hành và Nhà trường.

Điều 11. Sinh viên

1. Nhiệm vụ của sinh viên

a) Hoàn thành nhiệm vụ học tập chương trình môn học GDTC trong thời gian quy định;

b) Khi lên lớp học giờ thực hành kỹ thuật, sinh viên phải mặc đồng phục TDTT đúng quy định của Nhà trường, đi giày thể thao phù hợp, an toàn;

c) Tham gia tập luyện ngoại khóa và rèn luyện thể chất, sức khỏe; các hoạt động TDTT của Nhà trường, ngành và địa phương;

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác của sinh viên theo quy định của Nhà trường.

2. Quyền của sinh viên

a) Được sử dụng tài liệu chuyên môn, cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ TDTT của Nhà trường, để học tập và rèn luyện thể chất, sức khỏe;

b) Được cung cấp thông tin về kết quả học tập môn học GDTC;

c) Được chọn tham gia tập luyện, thi đấu tại các giải hoặc các kỳ Đại hội TDTT sinh viên cấp cơ sở, toàn quốc và quốc tế nếu có thành tích học tập môn GDTC xuất sắc;

d) Được tham gia hoạt động các câu lạc bộ TDTT của các đoàn thể, tổ chức xã hội nơi mình học tập;

đ) Được quyền miễn học phần, miễn thời gian tham gia học tập theo Điều 7 của Quy định này;

e) Các quyền khác của sinh viên theo quy định của Nhà trường.

Chương IV

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ KỶ LUẬT

Điều 12. Khen thưởng

1. Sinh viên đạt thành tích cao trong học tập và thi đấu ở các giải quốc tế, quốc gia, được xét khen thưởng và được hưởng chế độ ưu tiên theo các quy định hiện hành.

2. Tập thể, cá nhân có nhiều thành tích xuất sắc đóng góp cho các hoạt động TDTT và GDTC được khen thưởng theo quy định về thi đua khen thưởng của Nhà trường; chế độ khen thưởng theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường.

Điều 13. Xử lý vi phạm

Tập thể, cá nhân vi phạm Quy định này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại về vật chất thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật và Nhà trường.

Chương V **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Trường các đơn vị có trách nhiệm phổ biến Quy định này đến toàn thể giảng viên, viên chức và sinh viên để thống nhất thực hiện trong toàn Trường.
2. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký Quyết định ban hành. Các quy định của Nhà trường trước đây trái với Quy định này đều bị bãi bỏ.
3. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu trong văn bản này bị thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì áp dụng theo văn bản thay thế hoặc văn bản đã được sửa đổi, bổ sung.
4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề nảy sinh hoặc vướng mắc, không còn phù hợp đề nghị các đơn vị, cá nhân phản ánh về Nhà trường (qua Khoa Giáo dục thể chất - Quốc phòng) để tổng hợp, báo cáo Hiệu trưởng xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Hoàng Dương Hùng